

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
HỘI ĐỒNG THI NÂNG NGẠCH CC -
HĐ THI THĂNG HẠNG VC HÀNH
CHÍNH LÊN CHUYÊN VIÊN CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *1491* /HĐTNNT-H-TK

Hải Phòng, ngày *11* tháng *6* năm 2019

V/v thông báo điểm thi nâng ngạch công chức,
thăng hạng viên chức hành chính lên
chuyên viên chính năm 2018

Kính gửi:

- Các cơ quan, đơn vị có thí sinh dự thi của thành phố Hải Phòng;
- Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên.

Căn cứ Quyết định số 28/QĐ-BNV ngày 08/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Kế hoạch tổ chức thi nâng ngạch công chức trong các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập của Nhà nước;

Căn cứ Kế hoạch số 108/KH-UBND ngày 05/4/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc tổ chức kỳ thi nâng ngạch công chức lên chuyên viên chính và thi thăng hạng viên chức hành chính lên chuyên viên chính năm 2018 tại thành phố Hải Phòng;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố: Số 821/QĐ-CT ngày 05/4/2019 về việc thành lập Hội đồng thi nâng ngạch công chức từ ngạch chuyên viên lên ngạch chuyên viên chính năm 2018; số 822/QĐ-CT ngày 05/4/2019 về việc thành lập Hội đồng thi thăng hạng viên chức hành chính và người làm việc ở Hội có tính chất đặc thù từ chuyên viên lên chuyên viên chính năm 2018;

Hội đồng thi nâng ngạch công chức lên chuyên viên chính; thăng hạng viên chức hành chính lên chuyên viên chính năm 2018 (gọi tắt là Hội đồng thi) đã tổ chức và hoàn thành việc chấm thi đối với kỳ thi nâng ngạch công chức từ ngạch chuyên viên lên ngạch chuyên viên chính, thăng hạng viên chức hành chính từ chuyên viên lên chuyên viên chính năm 2018 theo đúng các quy định hiện hành dưới sự giám sát của Bộ Nội vụ.

Căn cứ kết quả điểm thi của Ban Chấm thi (gồm các giảng viên, chuyên gia của Học viện Hành chính Quốc gia do Bộ Nội vụ giới thiệu); trên cơ sở báo cáo của Ban Coi thi và Ban Giám sát kỳ thi; Hội đồng thi thông báo điểm thi nâng ngạch công chức từ ngạch chuyên viên lên ngạch chuyên viên chính và điểm thi thăng hạng viên chức hành chính từ chuyên viên lên chuyên viên chính năm 2018.

(Có danh sách kèm theo và được đăng tải công khai trên Cổng Thông tin điện tử của thành phố).

Hội đồng thi nhận đơn phúc khảo bài thi bằng văn bản, thời gian cụ thể:

- Đối với kỳ thi nâng ngạch công chức lên chuyên viên chính: 15 ngày, kể từ ngày **11/6/2019 đến hết ngày 25/6/2019** (tính theo ngày đơn thư đến bộ phận văn thư của Sở Nội vụ).

- Đối với kỳ thi thăng hạng viên chức hành chính lên chuyên viên chính: 10 ngày làm việc, kể từ ngày **11/6/2019 đến hết ngày 24/6/2019** (tính theo ngày gửi đơn theo dấu bưu điện trên phong bì đơn nếu đơn được gửi theo đường bưu điện).

- Địa điểm nhận đơn phúc khảo: Tại Sở Nội vụ, số 12 Lê Đại Hành, Hồng Bàng, Hải Phòng.

Hội đồng thi không nhận đơn phúc khảo gửi bằng thư điện tử, fax, telex và không giải quyết phúc khảo đối với các đơn phúc khảo nhận được sau thời gian trên.

Hội đồng thi thông báo đề cơ quan, đơn vị biết. Đề nghị cơ quan, đơn vị trích gửi kết quả thi đến từng công chức, viên chức tham dự kỳ thi của cơ quan, đơn vị mình./.

Nơi nhận:

- CT, PCTTTUBND TP Nguyễn Xuân Bình;
- Các thành viên HĐ thi;
- Ban Giám sát kỳ thi;
- Sở Nội vụ tỉnh Hưng Yên;
- Sở Nội vụ HP;
- Công thông tin điện tử của thành phố;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG THI
KT. CHỦ TỊCH
ỦY VIÊN KIỂM THƯ KÝ

PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ NỘI VỤ
Nguyễn Thị Thu

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
HĐ THI NÂNG NGẠCH CÔNG CHỨC
LÊN CHUYÊN VIÊN CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỞ KẾT QUẢ DỰ THI NÂNG NGẠCH TỪ NGẠCH CHUYÊN VIÊN

SIÊU NGẠCH CHUYÊN VIÊN CHÍNH NĂM 2018 TẠI THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

(Kèm theo Công văn số 1404/HĐTNTH-TK ngày 16/2019 của Hội đồng thi nâng ngạch công chức;
Hội đồng thi thăng hạng viên chức hành chính lên chuyên viên chính)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Số báo danh	Điểm thi				Ghi chú
						Kiến thức chung	Chuyên môn nghiệp vụ	Tin học	Ngoại ngữ (tiếng Anh)	
1	Nguyễn Thị An	03/02/1975	Trưởng phòng	Phòng Nội vụ, UBND huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên	001	50,0	52,5	75,0	59,0	
2	Dương Thị Nguyệt Anh	17/10/1970	Phó Trưởng phòng	Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND quận Hải An, TP Hải Phòng	002	52,0	72,5	75,0	Miễn	
3	Hà Thị Lan Anh	15/4/1975	Phó Trưởng phòng	Phòng Người có công, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, TP Hải Phòng	003	45,0	55,0	85,0	Miễn	
4	Phạm Việt Anh	10/4/1977	Chánh Văn phòng UBND và UBND	UBND quận Lê Chân, TP Hải Phòng	004	50,0	67,5	90,0	62,0	
5	Vũ Lan Anh	12/01/1973	Phó Trưởng phòng	Phòng Kỹ thuật - An toàn & Môi trường, Sở Công thương, TP Hải Phòng	005	53,0	60,0	90,0	Miễn	
6	Nguyễn Tuấn Anh	16/11/1976	Phó Trưởng ban	Ban Quản lý các khu công nghiệp, tỉnh Hưng Yên	006	50,0	80,0	95,0	Miễn	
7	Phạm Hải Anh	20/02/1974	Phó ban Kinh tế - Xã hội	UBND huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	007	45,0	70,0	90,0	52,0	
8	Nguyễn Thị Phương Anh	10/3/1981	Phó Trưởng phòng	Phòng Lý lịch tư pháp, Sở Tư pháp, TP Hải Phòng	008	54,0	82,5	95,0	79,0	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Số báo danh	Điểm thi				Ghi chú
						Kiến thức chung	Chuyên môn nghiệp vụ	Tin học	Ngoại ngữ (tiếng Anh)	
9	Cần Ngọc Bảo	16/12/1976	Chuyên viên	Phòng Kiểm tra giám sát & TĐKT, Văn phòng UBND thành phố Hải Phòng	009	52,0	67,5	95,0	57,0	
10	Lưu Thế Bảo	08/10/1982	Phó Chánh Văn phòng	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, tỉnh Hưng Yên	010	50,0	72,5	87,5	82,0	
11	Nguyễn Xuân Bắc	02/7/1977	Phó Giám đốc	Sở Công Thương, tỉnh Hưng Yên	011	46,0	67,5	85,0	68,0	
12	Nguyễn Trọng Bình	16/12/1973	Trưởng phòng	Phòng Giáo dục và đào tạo, UBND thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	012	46,0	67,5	72,5	62,0	
13	Ngô Thúy Châm	21/9/1975	Trưởng phòng	Phòng Tư pháp, UBND quận Hải An, TP Hải Phòng	013	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	
14	Nguyễn Chí Công	05/11/1978	Phó trưởng phòng	Phòng Tổ chức cán bộ, Sở Y tế, TP Hải Phòng	014	41,0	70,0	87,5	77,0	
15	Lê Quý Cừ	07/01/1978	Trưởng phòng	Phòng Tài nguyên và môi trường, UBND huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên	015	52,0	67,5	85,0	75,0	
16	Hoàng Trung Cường	31/10/1973	Phó Chủ tịch	UBND huyện Cát Hải, TP Hải Phòng	016	50,0	70,0	85,0	Miễn	
17	Nguyễn Hùng Cường	14/8/1974	Trưởng phòng	Phòng Kinh tế-Hạ tầng, UBND huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên	017	51,0	72,5	90,0	50,0	
18	Ninh Văn Chính	07/12/1977	Phó Trưởng phòng	Phòng Hỗ trợ tư pháp, Sở Tư pháp, TP Hải Phòng	018	50,0	80,0	95,0	Miễn	
19	Đỗ Xuân Chương	11/8/1980	Phó trưởng ban	Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ, Tỉnh Hưng Yên	019	51,0	60,0	90,0	Miễn	
20	Đặng Văn Diên	07/4/1971	Giám đốc	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, tỉnh Hưng Yên	020	52,0	80,0	95,0	60,0	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Số báo danh	Điểm thi				Ghi chú
						Kiến thức chung	Chuyên môn nghiệp vụ	Tin học	Ngoại ngữ (tiếng Anh)	
21	Phạm Văn Diện	07/01/1971	Phó Chủ tịch	Hội đồng nhân dân quận Kiến An, TP Hải Phòng	021	50,0	67,5	80,0	73,0	
22	Nguyễn Phong Doanh	16/12/1978	Chánh Văn phòng	Sở Kế hoạch và Đầu tư, TP Hải Phòng	022	50,0	77,5	90,0	Miễn	
23	Bùi Thị Dung	29/10/1978	Phó Trưởng phòng	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND huyện Kiến Thụy, TP Hải Phòng	023	50,0	62,5	75,0	Miễn	
24	Phạm Đức Duyên	06/3/1979	Phó trưởng phòng	Phòng Kế hoạch tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, TP Hải Phòng	024	55,0	80,0	85,0	70,0	
25	Phạm Thùy Dương	19/5/1982	Trưởng phòng	Phòng Quản lý biên giới biển và hải đảo - Phi chính phủ nước ngoài, Sở Ngoại vụ, TP Hải Phòng	025	53,0	82,5	95,0	Miễn	
26	Hoàng Ngọc Dương	16/02/1982	Phó Trưởng phòng	Phòng Pháp chế, Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch, tỉnh Hưng Yên	026	46,0	77,5	92,5	68,0	
27	Nguyễn Trọng Đại	16/01/1982	Trưởng phòng	Phòng Quản lý đô thị, UBND quận Lê Chân, TP Hải Phòng	027	51,0	77,5	87,5	50,0	
28	Phan Viết Điện	23/10/1976	Phó Giám đốc Sở	Sở Giao thông vận tải, TP Hải Phòng	028	50,0	77,5	82,5	84,0	
29	Nguyễn Đức Đoàn	06/6/1982	Trưởng phòng	Phòng Quản lý vận tải và phương tiện, Sở Giao thông vận tải, tỉnh Hưng Yên	029	53,0	65,0	87,5	81,0	
30	Nguyễn Thế Đoàn	18/7/1975	Phó Trưởng phòng	Phòng Kinh tế và Hạ tầng, UBND huyện Kiến Thụy, TP Hải Phòng	030	51,0	77,5	87,5	Miễn	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Số báo danh	Điểm thi				Ghi chú
						Kiến thức chung	Chuyên môn nghiệp vụ	Tin học	Ngoại ngữ (tiếng Anh)	
31	Hoàng Văn Đức	21/5/1975	Trưởng phòng	Phòng Khảo thí kiểm định chất lượng giáo dục, Sở Giáo dục và Đào tạo, TP Hải Phòng	031	50,0	77,5	Miễn	Miễn	
32	Phạm Minh Đức	17/02/1977	Chuyên viên	Phòng Quản lý Chuyên ngành, Sở Khoa học và Công nghệ, TP Hải Phòng	032	45,0	65,0	77,5	35,0	
33	Phạm Minh Đức	16/5/1983	Phó Trưởng ban	Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng	033	50,0	67,5	90,0	Miễn	
34	Phùng Xuân Giang	19/12/1977	Phó Trưởng phòng	Phòng Tài chính - Kế hoạch, UBND huyện An Dương, TP Hải Phòng	034	52,0	72,5	92,5	Miễn	
35	Nguyễn Thị Chúc Giang	24/7/1976	Phó Trưởng phòng	Phòng Quản lý Ngân sách, Sở Tài chính, tỉnh Hưng Yên	035	54,0	57,5	87,5	Miễn	
36	Đào Trường Giang	12/4/1978	Trưởng phòng	Phòng Kinh tế Hạ tầng, UBND huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên	036	51,0	65,0	95,0	Miễn	
37	Ngô Đức Hà	24/7/1980	Trưởng phòng	Phòng Giáo dục và đào tạo, UBND huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên	037	52,0	65,0	92,5	69,0	
38	Lương Thái Hải	26/02/1977	Phó Trưởng phòng	Phòng Tài chính Hành chính sự nghiệp, Sở Tài chính, TP Hải Phòng	038	50,0	80,0	87,5	82,0	
39	Nguyễn Xuân Hải	18/10/1975	Phó Trưởng phòng	Phòng TCHC Kế toán, Chi cục Phòng chống tệ nạn xã hội, trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, TP Hải Phòng	039	44,0	65,0	90,0	66,0	
40	Mai Thị Hạnh	25/10/1975	Phó Chánh Văn phòng	Sở Tư pháp, TP Hải Phòng	040	50,0	87,5	95,0	79,0	
41	Nguyễn Anh Hào	10/01/1968	Chánh Văn phòng	Văn phòng HĐND tỉnh Hưng Yên	041	45,0	70,0	90,0	Miễn	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Số báo danh	Điểm thi				Ghi chú
						Kiến thức chung	Chuyên môn nghiệp vụ	Tin học	Ngoại ngữ (tiếng Anh)	
42	Đình Quang Hào	03/4/1978	Trưởng phòng	Phòng Tài chính-Kế hoạch, UBND huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên	042	51,0	75,0	82,5	50,0	
43	Trần Thị Thu Hằng	15/6/1976	Phó chỉ cục trưởng	Chi cục dân số, Sở Y tế, TP Hải Phòng	043	52,0	70,0	95,0	57,0	
44	Trần Thu Hằng	10/6/1976	Chuyên viên	Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, TP Hải Phòng	044	51,0	77,5	87,5	Miễn	
45	Vũ Thị Hậu	08/3/1978	Trưởng phòng	Phòng Y tế, UBND huyện Vĩnh Bảo, TP Hải Phòng	045	52,0	75,0	60,0	54,0	
46	Vũ Văn Hè	25/12/1974	Trưởng phòng	Phòng Tư pháp, UBND huyện Tiên Lãng, TP Hải Phòng	046	50,0	80,0	95,0	55,0	
47	Vũ Thị Phương Hiền	01/9/1980	Phó Trưởng phòng	Phòng Tổ chức cán bộ, Sở Giáo dục và Đào tạo, TP Hải Phòng	047	50,0	70,0	92,5	Miễn	
48	Hoàng Thị Hiền	20/10/1980	Chánh Văn phòng	Sở Tài chính, tỉnh Hưng Yên	048	51,0	72,5	95,0	Miễn	
49	Bùi Thế Hiệp	28/7/1969	Trưởng phòng	Phòng Giáo dục và Đào tạo, UBND huyện Thủy Nguyên, TP Hải Phòng	049	52,0	77,5	92,5	Miễn	
50	Nguyễn Trung Hiếu	02/12/1983	Phó Giám đốc Sở	Sở Ngoại vụ, TP Hải Phòng	050	50,0	75,0	87,5	Miễn	
51	Vũ Xuân Hiếu	12/12/1976	Trưởng phòng	Phòng Văn hóa - Thông tin, UBND quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng	051	50,0	82,5	90,0	56,0	
52	Bùi Xuân Hiếu	27/4/1981	Trưởng phòng	Phòng Tổ chức, biên chế và tổ chức phi Chính phủ, Sở Nội vụ, tỉnh Hưng Yên	052	52,0	65,0	85,0	Miễn	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Số báo danh	Điểm thi				Ghi chú
						Kiến thức chung	Chuyên môn nghiệp vụ	Tin học	Ngoại ngữ (tiếng Anh)	
53	Lương Thị Ngọc Hoa	11/6/1979	Phó Trưởng phòng	Phòng Nội chính, Văn phòng UBND tỉnh Hưng Yên	053	52,0	80,0	87,5	75,0	
54	Hoàng Thị Hoa	13/02/1980	Trưởng phòng	Phòng Xây dựng và kiểm tra bản QPPL, Sở Tư pháp, tỉnh Hưng Yên	054	50,0	72,5	90,0	74,0	
55	Đỗ Thị Hòa	16/4/1976	Phó Chánh Văn phòng	Văn phòng Sở Nội vụ, TP Hải Phòng	055	52,0	80,0	Miễn	66,0	
56	Phạm Thị Xuân Hòa	14/6/1977	Phó trưởng phòng	Phòng Quản lý đô thị, UBND quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng	056	50,0	75,0	87,5	78,0	
57	Phạm Quốc Hoàn	17/11/1983	Trưởng phòng	Phòng Tài chính - Kế hoạch, UBND thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	057	50,0	60,0	90,0	Miễn	
58	Nguyễn Tiến Hoàng	30/5/1977	Phó Chánh Văn phòng	Văn phòng Hội đồng nhân dân và UBND huyện Vĩnh Bảo, TP Hải Phòng	058	41,0	67,5	Miễn	72,0	
59	Nguyễn Lê Hoàng	22/11/1979	Phó Trưởng phòng	Phòng Việc làm - An toàn lao động, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, TP Hải Phòng	059	44,0	62,5	67,5	60,0	
60	Cao Xuân Hoàng	15/4/1974	Phó Trưởng phòng	Phòng Giáo dục và đào tạo, UBND huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	060	43,0	72,5	90,0	40,0	
61	Nguyễn Kim Hoàng	06/6/1982	Chánh Văn phòng	Văn phòng, Sở Giáo dục và Đào tạo, TP Hải Phòng	061	50,0	75,0	Miễn	Miễn	
62	Nguyễn Thị Thanh Hồng	22/01/1980	Phó trưởng phòng	Phòng Cải cách hành chính và Pháp chế, Sở Nội vụ, TP Hải Phòng	062	51,0	77,5	90,0	77,0	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Số báo danh	Điểm thi				Ghi chú
						Kiến thức chung	Chuyên môn nghiệp vụ	Tin học	Ngoại ngữ (tiếng Anh)	
63	Nguyễn Văn Hùng	26/12/1978	Chuyên viên	Phòng Giáo dục nghề nghiệp, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, TP Hải Phòng	063	50,0	62,5	87,5	50,0	
64	Đào Xuân Hùng	10/9/1972	Phó Trưởng phòng	Phòng Người có công, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, TP Hải Phòng	064	44,0	75,0	92,5	50,0	
65	Đào Xuân Hùng	19/5/1974	Phó Chi cục trưởng	Chi cục Phòng chống tệ nạn xã hội, trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, TP Hải Phòng	065	50,0	67,5	62,5	Miễn	
66	Nguyễn Mạnh Hùng	08/8/1978	Phó Chi cục trưởng	Chi cục Chăn nuôi và Thú y, trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, TP Hải Phòng	066	41,0	60,0	95,0	78,0	
67	Nguyễn Ngọc Hùng	01/01/1981	Trưởng phòng	Phòng Tài chính - Ngân sách, Văn phòng UBND TP Hải Phòng	067	50,0	67,5	90,0	70,0	
68	Phạm Việt Hùng	19/8/1980	Phó Chủ tịch	Hội đồng nhân dân quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng	068	50,0	72,5	Miễn	Miễn	
69	Vũ Đức Hùng	28/01/1971	Chánh Văn phòng	Văn phòng, Sở Giao thông vận tải, TP Hải Phòng	069	53,0	72,5	90,0	Miễn	
70	Nguyễn Quang Huy	17/9/1975	Phó Trưởng phòng	Phòng Quản lý Quy hoạch và Xây dựng, Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng	070	54,0	75,0	92,5	Miễn	
71	Nguyễn Tiến Huy	13/3/1981	Chánh Văn phòng	Sở Tài nguyên và Môi trường, tỉnh Hưng Yên	071	55,0	65,0	90,0	Miễn	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Số báo danh	Điểm thi				Ghi chú
						Kiến thức chung	Chuyên môn nghiệp vụ	Tin học	Ngoại ngữ (tiếng Anh)	
72	Lê Thanh Huyền	08/8/1976	Trưởng phòng	Phòng Quản lý Công nghệ, Sở Khoa học và Công nghệ, TP Hải Phòng	072	43,0	80,0	85,0	Miễn	
73	Trương Thị Thanh Huyền	01/01/1979	Phó Trưởng phòng	Phòng công tác Hội đồng nhân dân, Văn phòng Hội đồng nhân dân TP Hải Phòng	073	42,0	52,5	90,0	72,0	
74	Đổng Hoàng Hưng	16/12/1979	Chuyên viên	Phòng Văn xã - Nội chính, Văn phòng UBND TP Hải Phòng	074	51,0	72,5	90,0	Miễn	
75	Lê Long Hưng	26/10/1978	Chánh Văn phòng	Văn phòng Hội đồng nhân dân và UBND quận Hải An, TP Hải Phòng	075	50,0	62,5	87,5	Miễn	
76	Lê Ngọc Hưng	22/12/1973	Trưởng ban	Ban QLDA đường bộ nối đường cao tốc Hà Nội-Hải Phòng với đường cao tốc Cầu Giẽ-Ninh Bình, Sở Giao thông vận tải, tỉnh Hưng Yên	076	43,0	57,5	87,5	64,0	
77	Dương Thị Lan Hương	21/02/1977	Phó Trưởng phòng	Phòng Phổ biến Giáo dục pháp luật, Sở Tư pháp, TP Hải Phòng	077	51,0	77,5	95,0	74,0	
78	Nguyễn Thu Hương	18/6/1976	Phó Trưởng phòng	Phòng Nghiệp vụ Y, Sở Y tế, TP Hải Phòng	078	55,0	70,0	90,0	76,0	
79	Trịnh Thị Liên Hương	24/5/1981	Phó Trưởng phòng	Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính, Văn phòng UBND thành phố Hải Phòng	079	51,0	75,0	87,5	Miễn	
80	Nguyễn Thị Bích Hương	28/3/1972	Phó Chủ tịch	UBND huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên	080	50,0	60,0	87,5	Miễn	
81	Dương Thị Thúy Hương	21/02/1979	Phó Trưởng phòng	Phòng Công chức viên chức, Sở Nội vụ, TP Hải Phòng	081	52,0	75,0	87,5	79,0	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Số báo danh	Điểm thi				Ghi chú
						Kiến thức chung	Chuyên môn nghiệp vụ	Tin học	Ngoại ngữ (tiếng Anh)	
82	Vũ Văn Hường	05/01/1976	Phó Trưởng phòng	Phòng Tài chính - Kế hoạch, UBND huyện Kiến Thụy, TP Hải Phòng	082	54,0	75,0	90,0	Miễn	
83	Ngô Trung Kiên	02/8/1980	Phó Chánh Văn phòng	Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, TP Hải Phòng	083	46,0	50,0	87,5	50,0	
84	Dương Tuấn Kiệt	05/8/1977	Phó Chủ tịch HĐND	UBND huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên	084	45,0	80,0	85,0	Miễn	
85	Đỗ Văn Khai	25/8/1980	Phó Chánh Văn phòng	Văn phòng HĐND, tỉnh Hưng Yên	085	50,0	62,5	90,0	67,0	
86	Trần Duy Lâm	27/10/1977	Phó Trưởng phòng	Phòng Tài chính - Ngân sách, Văn phòng UBND thành phố Hải Phòng	086	52,0	80,0	90,0	Miễn	
87	Bùi Anh Lâm	18/8/1981	Phó Trưởng phòng	Phòng Công nghệ thông tin, Sở Thông tin và Truyền thông, tỉnh Hưng Yên	087	50,0	70,0	Miễn	68,0	
88	La Thị Lập	12/9/1973	Chuyên viên	Phòng Người có công, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, TP Hải Phòng	088	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	
89	Hoàng Thúc Long	14/9/1970	Chuyên viên	Phòng Giáo dục tiểu học, Sở Giáo dục và Đào tạo, TP Hải Phòng	089	51,0	60,0	Miễn	Miễn	
90	Nguyễn Thành Long	28/10/1976	Phó Trưởng phòng	Phòng Hành chính - Tổ chức, Văn phòng UBND thành phố Hải Phòng	090	50,0	70,0	Miễn	76,0	
91	Nguyễn Văn Long	22/4/1977	Phó Trưởng phòng	Phòng Tổ chức - Pháp chế, Sở Văn hóa và Thể thao, TP Hải Phòng	091	50,0	72,5	80,0	Miễn	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Số báo danh	Điểm thi				Ghi chú
						Kiến thức chung	Chuyên môn nghiệp vụ	Tin học	Ngại ngữ (tiếng Anh)	
92	Nguyễn Đức Lộc	08/11/1979	Phó Trưởng phòng	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND huyện Vĩnh Bảo, TP Hải Phòng	092	45,0	70,0	87,5	76,0	
93	Bùi Thị Lương	19/4/1980	Phó Giám đốc	Sở Thông tin và Truyền thông, tỉnh Hưng Yên	093	52,0	57,5	87,5	68,0	
94	Bùi Thị Tuyết Mai	04/6/1981	Trưởng phòng	Phòng Giáo dục và Đào tạo, UBND quận Kiến An, TP Hải Phòng	094	51,0	70,0	90,0	57,0	
95	Lê Xuân Mai	26/10/1967	Trưởng phòng	Phòng Tài nguyên và môi trường, UBND huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên	095	50,0	65,0	95,0	66,0	
96	Nguyễn Quang Minh	09/6/1976	Trưởng phòng	Phòng Quản lý đầu tư, Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng	096	50,0	70,0	90,0	52,0	
97	Nguyễn Thị Hồng Minh	20/10/1978	Trưởng phòng	Phòng Quản lý chất lượng Công trình xây dựng, Sở Xây dựng, tỉnh Hưng Yên	097	50,0	57,5	90,0	Miễn	
98	Nguyễn Thị Mơ	17/10/1983	Phó Chánh Văn phòng	Văn phòng Sở Giao thông vận tải, TP Hải Phòng	098	51,0	72,5	90,0	82,0	
99	Phạm Xuân Nam	25/9/1974	Phó Trưởng ban	Ban Pháp chế, Hội đồng nhân dân huyện Kiến Thụy, TP Hải Phòng	099	50,0	72,5	90,0	Miễn	
100	Nguyễn Đình Nam	20/10/1980	Trưởng phòng	Phòng Tổng hợp quy hoạch, Sở Kế hoạch và Đầu tư, tỉnh Hưng Yên	100	51,0	75,0	92,5	Miễn	
101	Nguyễn Thị Ngân	08/8/1974	Trưởng phòng	Phòng Giáo dục nghề nghiệp, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, TP Hải Phòng	101	50,0	60,0	90,0	Miễn	
102	Nguyễn Văn Ngân	10/10/1979	Trưởng phòng	Phòng Quản lý đô thị, UBND quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng	102	50,0	80,0	95,0	50,0	
103	Nguyễn Đại Nghĩa	19/02/1974	Phó Chánh Văn phòng	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, TP Hải Phòng	103	44,0	70,0	90,0	69,0	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Số báo danh	Điểm thi				Ghi chú
						Kiến thức chung	Chuyên môn nghiệp vụ	Tin học	Ngoại ngữ (tiếng Anh)	
104	Tô Sỹ Ngọc	27/9/1971	Trưởng phòng	Phòng Văn hóa & Thông tin, UBND quận Hải An, TP Hải Phòng	104	50,0	80,0	90,0	50,0	
105	Đào Thị Bích Ngọc	06/11/1977	Phó Trưởng phòng	Phòng Giáo dục và đào tạo, UBND huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên	105	52,0	87,5	90,0	Miễn	
106	Nguyễn Trí Nhân	01/9/1974	Trưởng phòng	Phòng Nội vụ, UBND quận Dương Kinh, TP Hải Phòng	106	51,0	80,0	85,0	58,0	
107	Phạm Thị Nhung	11/8/1982	Phó Trưởng phòng	Phòng Xây dựng và Kiểm tra văn bản QPPL, Sở Tư pháp, TP Hải Phòng	107	51,0	77,5	85,0	77,0	
108	Đào Thị Cẩm Nhung	18/02/1979	Phó Trưởng phòng	Phòng Phổ biến giáo dục pháp luật, Sở Tư pháp, tỉnh Hưng Yên	108	53,0	57,5	95,0	71,0	
109	Nguyễn Bất Oanh	05/7/1978	Trưởng phòng	Phòng Kinh tế ngành, Sở Kế hoạch và Đầu tư, tỉnh Hưng Yên	109	51,0	67,5	90,0	70,0	
110	Đỗ Thị Phấn	07/5/1974	Phó Trưởng phòng	Phòng Giáo dục và đào tạo, UBND thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	110	51,0	75,0	90,0	59,0	
111	Đoàn Văn Phong	05/9/1970	Chánh Văn phòng	Sở Giáo dục và Đào tạo, tỉnh Hưng Yên	111	50,0	72,5	85,0	72,0	
112	Nguyễn Duy Phong	30/3/1977	Phó trưởng phòng	Phòng Nội vụ, UBND huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	112	45,0	65,0	95,0	44,0	
113	Nguyễn Văn Phú	20/4/1963	Giám đốc Sở	Sở Tài nguyên và Môi trường, tỉnh Hưng Yên	113	45,0	57,5	90,0	Miễn	
114	Trần Ngọc Quà	11/6/1969	Phó Trưởng phòng	Phòng Tư pháp, UBND quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng	114	50,0	75,0	95,0	Miễn	
115	Đoàn Hồng Quân	15/7/1980	Trưởng phòng	Phòng Phát triển đô thị và Hạ tầng kỹ thuật, Sở Xây dựng, tỉnh Hưng Yên	115	50,0	77,5	95,0	72,0	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Số báo danh	Điểm thi				Ghi chú
						Kiến thức chung	Chuyên môn nghiệp vụ	Tin học	Ngoại ngữ (tiếng Anh)	
116	Lương Trác Quyền	04/11/1974	Phó chánh Văn phòng	Văn phòng Hội đồng nhân dân và UBND quận Đồ Sơn, TP Hải Phòng	116	50,0	62,5	90,0	Miễn	
117	Nguyễn Khắc Sang	03/6/1979	Trưởng phòng	Phòng Nội chính, Văn phòng UBND tỉnh Hưng Yên	117	52,0	80,0	95,0	Miễn	
118	Nguyễn Hữu Sơn	12/11/1974	Chuyên viên	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, Văn phòng Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng	118	45,0	67,5	90,0	Miễn	
119	Vũ Trường Sơn	24/10/1974	Giám đốc	Trung tâm Y tế Văn Giang trực thuộc Sở Y tế, tỉnh Hưng Yên	119	50,0	75,0	85,0	Miễn	
120	Hoàng Thế Sơn	10/10/1981	Phó Chi cục trưởng	Chi cục Phòng Chống tệ nạn xã hội, Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, tỉnh Hưng Yên	120	51,0	65,0	90,0	50,0	
121	Phạm Trường Tam	03/8/1979	Phó Trưởng ban phụ trách và điều hành	Ban Quản lý khu Đại học Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên	121	51,0	65,0	90,0	Miễn	
122	Luyện Văn Tạo	12/8/1979	Phó Giám đốc	Sở Kế hoạch và Đầu tư, tỉnh Hưng Yên	122	50,0	75,0	92,5	74,0	
123	Nguyễn Duy Tăng	09/3/1973	Phó Trưởng phòng	Phòng Tài chính Hành chính sự nghiệp, Sở Tài chính, TP Hải Phòng	123	51,0	70,0	90,0	50,0	
124	Ngô Đức Tiếp	11/8/1974	Trưởng phòng	Phòng Y tế, UBND quận Lê Chân, TP Hải Phòng	124	50,0	70,0	90,0	62,0	
125	Phạm Văn Toàn	26/8/1972	Phó Trưởng phòng	Phòng Nội vụ, UBND quận Hải An, TP Hải Phòng	125	51,0	80,0	90,0	Miễn	
126	Trần Quốc Toàn	14/8/1977	Phó Chánh Văn phòng	Văn phòng, Sở Y tế, TP Hải Phòng	126	45,0	65,0	Miễn	73,0	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Số báo danh	Điểm thi				Ghi chú
						Kiến thức chung	Chuyên môn nghiệp vụ	Tin học	Ngoại ngữ (tiếng Anh)	
127	Quách Thị Toàn	18/02/1978	Trưởng phòng	Phòng Văn hóa và Thông tin, UBND huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên	127	52,0	70,0	90,0	Miễn	
128	Đỗ Trọng Toàn	09/5/1974	Chánh Văn phòng	Hội đồng nhân dân và UBND quận Dương Kinh, TP Hải Phòng	128	50,0	62,5	90,0	Miễn	
129	Nguyễn Ngọc Tú	14/6/1980	Phó Chánh Văn phòng	Văn phòng UBND TP Hải Phòng	129	50,0	70,0	90,0	75,0	
130	Trịnh Văn Tú	07/4/1978	Trưởng phòng	Phòng Quản lý di sản văn hóa, Sở Văn hóa và Thể thao, TP Hải Phòng	130	45,0	72,5	90,0	74,0	
131	Cáp Trọng Tuấn	08/3/1979	Phó Giám đốc	Sở Tài chính, TP Hải Phòng	131	50,0	65,0	Miễn	Miễn	
132	Nguyễn Hoàng Tuấn	12/6/1977	Chuyên viên	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, Văn phòng Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng	132	50,0	77,5	90,0	Miễn	
133	Nguyễn Văn Tuấn	20/3/1967	Phó Trưởng phòng	Phòng Quản lý đô thị, UBND quận Hải An, TP Hải Phòng	133	50,0	72,5	72,5	Miễn	
134	Phạm Anh Tuấn	30/12/1977	Phó Trưởng phòng	Phòng NNTN&MT, Văn phòng UBND TP Hải Phòng	134	51,0	75,0	90,0	72,0	
135	Phạm Anh Tuấn	26/01/1980	Trưởng phòng	Phòng Hỗ trợ và giám sát các hoạt động đầu tư, Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng	135	51,0	75,0	75,0	63,0	
136	Lã Anh Tuấn	11/3/1978	Trưởng phòng	Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên	136	54,0	72,5	80,0	66,0	
137	Nguyễn Hữu Tùng	01/01/1980	Chánh Văn phòng	Hội đồng nhân dân và UBND quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng	137	52,0	75,0	92,5	76,0	

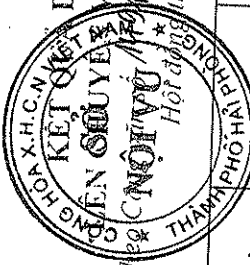
TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Số báo danh	Điểm thi				Ghi chú
						Kiến thức chung	Chuyên môn nghiệp vụ	Tin học	Ngoại ngữ (tiếng Anh)	
138	Bùi Thanh Tùng	21/5/1981	Trưởng phòng	Phòng Kế hoạch tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, TP Hải Phòng	138	50,0	72,5	95,0	Miễn	
139	Lê Thanh Tùng	10/5/1976	Chi Cục trưởng	Chi cục Phòng chống tệ nạn xã hội, trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, TP Hải Phòng	139	50,0	72,5	92,5	68,0	
140	Đồng Thị Thanh Tuyền	17/8/1982	Chuyên viên	Phòng Việc làm - An toàn lao động, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, TP Hải Phòng	140	50,0	27,5	90,0	78,0	
141	Trịnh Hồng Tuyền	25/9/1973	Trưởng phòng	Phòng Tài chính-Kế hoạch, UBND huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	141	50,0	80,0	90,0	Miễn	
142	Phạm Thị Huyền Thanh	20/4/1982	Phó Chánh Văn phòng	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tỉnh Hưng Yên	142	51,0	62,5	90,0	70,0	
143	Nguyễn Thị Thanh	18/3/1976	Trưởng phòng	Phòng Thông tin-Báo chí-Xuất bản, Sở Thông tin và Truyền thông, tỉnh Hưng Yên	143	52,0	75,0	90,0	69,0	
144	Nguyễn Đăng Thành	30/10/1968	Phó Trưởng phòng	Phòng Quản lý nguồn thu ngân sách, Sở Tài chính TP Hải Phòng	144	50,0	70,0	90,0	60,0	
145	Nguyễn Thị Phương Tháo	23/10/1984	Trưởng phòng	Phòng Hỗ trợ Tư pháp, Sở Tư pháp TP Hải Phòng	145	52,0	87,5	92,5	Miễn	
146	Nguyễn Thị Phương Tháo	04/3/1982	Trưởng phòng	Phòng Nội vụ, UBND quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng	146	52,0	75,0	Miễn	Miễn	
147	Nguyễn Văn Thắng	27/3/1972	Hiệu trưởng	Trường Trung cấp Khu kinh tế, Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng	147	45,0	67,5	90,0	Miễn	
148	Phan Vĩnh Thịnh	10/8/1976	Trưởng phòng	Phòng Nghiệp vụ Y, Sở Y tế, tỉnh Hưng yên	148	53,0	72,5	92,5	Miễn	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Số báo danh	Điểm thi				Ghi chú
						Kiến thức chung	Chuyên môn nghiệp vụ	Tin học	Ngoại ngữ (tiếng Anh)	
149	Trịnh Viết Thống	28/01/1978	Phó trưởng phòng	Phòng Kế hoạch, Sở Y tế, TP Hải Phòng	149	50,0	75,0	90,0	Miễn	
150	Đoàn Khắc Thuận	31/12/1969	Phó Trưởng ban	Ban Văn hóa - Xã hội Văn phòng UBND tỉnh Hưng Yên	150	50,0	65,0	70,0	50,0	
151	Nguyễn Hải Thuận	25/11/1979	Trưởng phòng	Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	151	50,0	82,5	87,5	50,0	
152	Phan Huy Thực	30/3/1969	Phó Giám đốc	Sở Y tế, TP Hải Phòng	152	50,0	77,5	85,0	Miễn	
153	Nguyễn Thị Phương Thủy	08/9/1981	Phó Trưởng phòng	Phòng Tổng hợp - Quy hoạch, Sở Kế hoạch và Đầu tư, TP Hải Phòng	153	53,0	85,0	92,5	70,0	
154	Ngô Xuân Thủy	13/7/1976	Phó Trưởng phòng	Phòng Tổ chức biên chế và tổ chức phí chính phủ, Sở Nội vụ, TP Hải Phòng	154	52,0	82,5	85,0	68,0	
155	Nguyễn Văn Thường	12/01/1970	Phó Trưởng phòng	Phòng Giáo dục nghề nghiệp, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, TP Hải Phòng	155	50,0	75,0	90,0	60,0	
156	Bùi Thị Hồng Thương	18/8/1981	Chuyên viên	Phòng Tài chính Hành chính sự nghiệp, Sở Tài chính, TP Hải Phòng	156	50,0	70,0	95,0	74,0	
157	Đào Thị Thu Trà	30/5/1973	Chuyên viên	Phòng Đo đạc Bản đồ và Viễn thám, Sở Tài nguyên và Môi trường, TP Hải Phòng	157	52,0	80,0	90,0	54,0	
158	Bùi Thị Huyền Trang	26/6/1980	Phó Trưởng phòng	Phòng Tổ chức cán bộ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, TP Hải Phòng	158	41,0	75,0	87,5	71,0	
159	Phạm Thị Tô Trang	24/6/1972	Trưởng phòng	Phòng Quản lý Thể dục thể thao, Sở Văn hóa và Thể thao, TP Hải Phòng	159	45,0	62,5	90,0	Miễn	
160	Phạm Bình Trị	28/3/1979	Phó Trưởng ban	Ban Tiếp công dân, Văn phòng UBND tỉnh Hưng Yên	160	50,0	57,5	92,5	52,0	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Số báo danh	Điểm thi				Ghi chú
						Kiến thức chung	Chuyên môn nghiệp vụ	Tin học	Ngoại ngữ (tiếng Anh)	
161	Lê Ngọc Trữ	16/6/1965	Giám đốc	Sở Tài chính, TP Hải Phòng	161	51	82,5	85,0	Miễn	
162	Phạm Hữu Trường	21/10/1978	Phó Chi cục trưởng	Chi cục Quản lý đất đai, Sở Tài nguyên và Môi trường trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường, tỉnh Hưng Yên	162	50,0	57,5	92,5	Miễn	
163	Phạm Thúy Uyên	15/6/1974	Trưởng phòng	Phòng Tư Pháp, UBND quận Lê Chân, TP Hải Phòng	163	52,0	77,5	87,5	73,0	
164	Đặng Thị Kim Vân	30/5/1976	Phó Trưởng phòng	Phòng Giáo dục Tiểu học, Sở Giáo dục và Đào tạo, tỉnh Hưng Yên	164	54,0	72,5	95,0	52,0	
165	Nguyễn Thị Thúy Vân	27/12/1980	Phó Chánh Văn phòng	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, TP Hải Phòng	165	45,0	72,5	90,0	78,0	
166	Bùi Tân Việt	11/6/1981	Trưởng phòng	Phòng Quản lý khoa học, Sở Khoa học và Công nghệ, tỉnh Hưng Yên	166	45,0	80,0	90,0	81,0	
167	Đinh Danh Vượng	19/11/1978	Chuyên viên	Phòng Tài chính - Ngân sách, Văn phòng UBND, TP Hải Phòng	167	50,0	85,0	90,0	70,0	
168	Hoàng Thị Yến	23/3/1974	Phó trưởng phòng	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND quận Lê Chân, TP Hải Phòng	168	50,0	72,5	90,0	Miễn	

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
HỆ THỊ THĂNG HẠNG VIÊN CHỨC
HÀNH CHÍNH LÊN CHUYÊN VIÊN CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



DỰ THỊ THĂNG HẠNG VIÊN CHỨC HÀNH CHÍNH
VIÊN CHÍNH NĂM 2018 CỦA THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

(Kèm theo Quyết định số 10/2018/QĐ-UBND ngày 16/6/2018 của Hội đồng thi nâng ngạch công chức;
Hội đồng thi thăng hạng viên chức hành chính lên chuyên viên chính)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Số báo danh	Điểm thi				Ghi chú
						Kiến thức chung	Chuyên môn nghề nghiệp vụ	Tin học	Ngoại ngữ (tiếng Anh)	
1	Nguyễn Hữu Đạo	15/9/1975	Phó Chủ tịch	Liên minh Hợp tác xã và doanh nghiệp thành phố	001	57,0	80,0	70,0	78,0	
2	Phạm Thị Thu Hà	16/5/1966	Phó Trưởng phòng	Phòng Tổ chức hành chính, Trung tâm Y tế dự phòng, trực thuộc Sở Y tế	002	56,0	85,0	92,5	Miễn	
3	Đào Trọng Hà	10/11/1977	Giám đốc	Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới Hải Phòng, trực thuộc Sở Giao thông vận tải	003	55,0	82,5	82,5	67,0	
4	Đoàn Thị Hồng Hạnh	04/02/1978	Phó trưởng phòng	Phòng Hành chính tổng hợp, Trung tâm Y tế quân Lê Chân, trực thuộc Sở Y tế	004	50,0	67,5	80,0	56,0	
5	Phạm Thị Hòa	08/11/1970	Phó Chủ tịch	Hội Chữ thập đỏ thành phố Hải Phòng	005	58,0	85,0	75,0	61,0	
6	Đỗ Thế Huy	12/8/1975	Phó Trưởng phòng	Phòng Tổ chức hành chính, Trung tâm Y tế dự phòng, trực thuộc Sở Y tế	006	56,0	75,0	90,0	Miễn	
7	Trần Thị Mai Hương	09/02/1975	Phó Giám đốc	Quỹ Đầu tư và Phát triển đất Hải Phòng	007	65,0	75,0	87,5	Miễn	



TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Số báo danh	Điểm thi				Ghi chú
						Kiến thức chung	Chuyên môn nghề nghiệp vụ	Tin học	Ngoại ngữ (tiếng Anh)	
8	Bùi Mạnh Phúc	27/10/1971	Phó Chủ tịch	Hội Chữ thập đỏ thành phố Hải Phòng	008	55,0	75,0	92,5	55,0	
9	Nguyễn Hoàng Phương	14/11/1977	Phó Viện trưởng	Viện Quy hoạch, trực thuộc Sở Xây dựng	009	56,0	65,0	57,5	65,0	
10	Bùi Văn Phương	12/3/1963	Trưởng phòng	Phòng Thông tin và Tuyên truyền, Liên minh Hợp tác xã và doanh nghiệp thành phố	010	50,0	77,5	90,0	Miễn	
11	Nguyễn Văn Tá	20/3/1972	Giám đốc	Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng quận Dương Kinh, trực thuộc Ủy ban nhân dân quận Dương Kinh	011	56,0	60,0	60,0	78,0	
12	Phạm Khánh Toàn	13/9/1974	Phó trưởng phòng	Phòng Tổ chức cán bộ, Trường Đại học Hải Phòng	012	56,0	80,0	Miễn	Miễn	
13	Vũ Thị Minh Tuyết	19/10/1974	Trưởng phòng	Phòng Tổ chức hành chính, Trung tâm tiết kiệm năng lượng và sản xuất sạch hơn, trực thuộc Sở Công thương	013	56,0	57,5	60,0	69,0	
14	Trịnh Vương Thuận	04/11/1975	Phó Giám đốc	Cơ sở cai nghiện ma túy số 2, trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	014	64,0	77,5	85,0	66,0	
15	Phạm Thị Đàm Thư	02/9/1974	Chuyên viên	Phòng Tổ chức cán bộ, Bệnh viện Kiến An, trực thuộc Sở Y tế	015	59,0	62,5	87,5	Miễn	
16	Đàm Thị Yến	10/3/1978	Phó Giám đốc	Trung tâm Hội nghị thành phố, trực thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố	016	56,0	62,5	80,0	71,0	

